

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày 23 - 3 - 2022

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN - TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Hà và ông Vũ Trí Dũng.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXX-ST ngày 21 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 03/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn 2 xã P, TP Ph, tỉnh H.

2. Bị đơn: Anh Trần Phương D, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện L, tỉnh H.

Phiên toà có mặt chị N; vắng mặt anh D không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/3/2021; bản khai, lời khai của chị Phạm Thị N và anh Trần Phương D, thì nội dung vụ án như sau:

Chị Phạm Thị N và anh Trần Phương D lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tiến Thắng, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam ngày 21/11/2012. Sau khi cưới, vợ chồng thuê nhà ở thành phố Phủ Lý để ở và đi làm, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 6/2020 đến nay.

Theo chị N trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh D không chịu làm ăn mà chỉ mãi chơi bời lêu lổng, kinh tế gia đình một mình chị gánh vác. Nhiều lần chị và gia đình hai bên khuyên bảo nhưng anh D không thay

đôi, anh D dùng những lời lẽ thô tục mắng chửi chị, đã có lần chị phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ sau đó lại về chung sống cùng anh D, nhưng chỉ được khoảng 2 tháng anh D lại chứng nào tật nấy, mâu thuẫn vợ chồng còn nguyên nhân khác là do vợ chồng chậm có con. Trong thời gian chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm, cách sống, cách suy nghĩ của hai vợ chồng hoàn toàn trái ngược với nhau. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Lời khai của anh Trần Phương D lưu tại hồ sơ: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn căng thẳng do vợ chồng chậm có con chung, bản thân anh cũng mải chơi, không chịu làm ăn, không quan tâm đến chị N. Khi chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ, anh đã nhiều lần tìm chị N và gia đình bố mẹ hai bên nhiều lần hòa giải khuyên vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị N kiên quyết không về, anh vẫn thường xuyên quan tâm nhắn tin, gọi điện thoại bảo chị N về còn chị N không quan tâm gì đến anh. Anh D cho rằng còn tình cảm với chị N nên không đồng ý ly hôn.

Toà án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không thành.

- *Về con*: Chị N và anh D đều xác nhận vợ chồng không có con chung, không có con riêng.

- *Về tài sản chung và các vấn đề khác*: Chị N và anh D đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà: Chị Phạm Thị N giữ nguyên quan điểm yêu cầu ly hôn như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn, anh Trần Phương D đã được Toà án triệu tập họp lệ nhưng bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình, vắng mặt tại các phiên toà sơ thẩm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Toà án giải quyết ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Trần Phương D; nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị N với anh Trần Phương D thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lý Nhân,

tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bị đơn là anh Trần Phương D vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị N và anh Trần Phương D là hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và do anh chị chậm có con chung. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Từ tháng 6 năm 2020 đến nay, vợ chồng sống mỗi người một nơi, chấm dứt mọi quan hệ, không ai quan tâm đến ai; quá trình giải quyết vụ án anh D đề nghị vợ chồng đoàn tụ nhưng chị N vẫn cương quyết xin ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã rạn nứt trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên giải quyết cho ly hôn giữa chị N và anh D là phù hợp với thực tế và pháp luật quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, tài sản chung và các vấn đề khác: Các đương sự không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Trần Phương D.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng. Đối trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai số AA/2021/0001020 ngày 24/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS Lý Nhân;
- UBND xã Tiến Thắng;
- Đường sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Quốc Huy